TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 41/2022/DS-ST
Ngày: 18-8-2022
V/v "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LÂM ĐỒNG

***- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Cao Đình Nhân.

Ông Lê Văn Hoàng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Trịnh Thanh Vân – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Lan – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 148/2022/TLST – DS ngày 25 tháng 5 năm 2022 về vụ việc: "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 86/2022/QĐST-DS ngày 27 tháng 7 năm 2022; Thông báo về việc hoãn phiên tòa và thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa số: 90/TB-TA ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Quang T, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Số 62, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Tự C, sinh năm: 1966. Theo văn bản ủy quyền đề ngày 19/5/2022.

Địa chỉ: số 35A, thôn K, xã B, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H, sinh năm: 1990.

Địa chỉ chổ ở hiện nay: Số 255, thôn T, xã B, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ cứ trú: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Đặng Ngọc V, sinh năm: 1985.

Địa chỉ chổ ở hiện nay: Số 255, thôn T, xã B, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng.

Địa chỉ cứ trú: Thôn T, xã N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồnng.

3.2. Bà Nguyễn Thị Ánh T, sinh năm: 1988.

Địa chỉ: Số 62, đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

(Các đương sự có mặt, bà T có đơn xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nguyên đơn ông Trần Quang T do ông Nguyễn Tự C đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 15/12/2020, ông T cho bà H vay 1.300.000.000đồng, ông T đưa tiền mặt cho H 1.300.000.000đồng tại Phòng 3 tỉnh Lâm Đồng ở TT.L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng nhưng không ghi giấy tờ vì là bạn thân, bạn học. Số tiền này ông T chỉ cho mình bà H vay. Thời hạn cho vay lúc đầu là 5 ngày, sau 5 ngày bà H không trả được nên gia hạn thêm 10 ngày. Không thỏa Tận lãi suất vì có 5 ngày nên không nói lãi suất. Đến hạn không trả ông T đòi nhiều lần nên ngày 02/02/2021 giữa ông T và bà H thống nhất đến Văn phòng Thừa phát lại thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng tại địa chỉ số 266, đường H, phường 6, thành phố Đ thỏa thuận lập Vi bằng: ‘’Ngày 15/12/2020 tôi là Nguyễn Thị Bích H có vay của ông Trần Quang T số tiền 1.300.000.000đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Ông Trần Quang T đã giao đủ số tiền 1.300.000.000đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Bích H. Sau khi kiểm đếm bà H đã xác nhận đủ số tiền 1.300.000.000đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) mà ông T đã giao cho bà H vay. Thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày 15/12/2020 đến ngày 15/05/2021. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Bích H quá thời hạn vay nêu trên mà bà H không thanh toán được số tiền gốc và tiền lãi thì bà H phải chịu gấp ba lần lãi suất ngân hàng nhà nước tương ứng với thời gian chậm trả…” Thực tế, ngày 15/12/2020 ông T đưa cho H 1.300.000.000đồng chứ không phải ngày 02/02/2021 đưa tiền cho bà H. Đến hạn ông T đòi nhiều lần nhưng bà H không trả. Nay ông T chỉ yêu cầu mình bà H trả cho ông T 1.300.000.000đồng gốc và lãi suất 2,7%/tháng (lãi phải chịu gấp 3 làn 0,9%/tháng) kể từ ngày 15/5/2021 đến nay.

Ngày 14/10/2021, bà H có đưa cho bà Nguyễn Thị Ánh T là vợ ông Trần Quang T giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Nguyễn Thị Bích H, số CS 063885, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2019.

- Theo bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H trình bày:

Ngày 09/12/2020, bà vay của bà Nguyễn Thị Ánh T (vợ ông T) 1.000.000.000đồng, đã nhận đủ số tiền 1.000.000.000đồng từ bà T, tại Phòng 3tỉnh Lâm Đồng ở TT.L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hai bên có viết giấy tờ tay, sau đó có mượn mực của Phòng 3 lăn tay điểm chỉ ký tên, chỉ có 01 hợp đồng nhưng bà T giữa, có 01 bản bà T yêu cầu bà T giữ. Sau khi viết giấy điểm chỉ thì bà T đã giao cho bà 1.000.000.000đồng. Thời hạn vay từ 10 ngày đến 15 ngày, không thỏa Tận lãi suất trong giấy vay tiền, thực thực tế hai bên thỏa Tận lãi suất 1.000.000đồng/3.000đồng lãi/ngày tức 9%/tháng. Đến hạn do dịch Covid – 19 bùng phát nên không xoay sở lo được tiền để trả cho bà T. Khoảng

cuối tháng 01/2021 ông T chồng bà T nói nếu bà không trả thì nói sự việc vay mượn cho chồng bà biết. Do lo sợ chồng là ông Đặng Ngọc V biết cho nên giữa bà và ông T thỏa thuận lập Vi bằng cả tiền gốc và lãi là 1.300.000.000đồng (trong đó 1.000.000.000đồng và 300.000.000đồng), từ ngày 09/12/2020 đến ngày 02/02/2021 lãi là 300.000.000đồng. Khi vay thì thỏa Tận lãi 9%/tháng nhưng khi lập Vi bằng thì ông T yêu cầu thỏa Tận như vậy nhưng bà vẫn đồng ý vì sợ chồng bà biết và nói không trả nợ thì phải chuyển nhượng diện tích 766,9m^2 đất Tộc thửa 901, tờ bản đồ số 18, xã Bình TH, huyện Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Nguyễn Thị Bích H, số CS 063885, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2019 cho ông T nên bà mới đồng ý lập Vi bằng ngày 02/02/2021.

Từ tháng 6/2021 gia đình ông T gây áp lực cho bà và yêu cầu đưa sổ đỏ cho bà T giữ nên ngày 14/10/2021, bà có đưa cho bà T là vợ ông T giữ 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Nguyễn Thị Bích H, số CS 063885, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2019.

Vi bằng: ‘’Ngày 15/12/2020 tôi là Nguyễn Thị Bích H có vay của ông Trần Quang T số tiền 1.300.000.000đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Ông Trần Quang T đã giao đủ số tiền 1.300.000.000đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Bích H. Sau khi kiểm đếm bà H đã xác nhận đủ số tiền 1.300.000.000đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) mà ông T đã giao cho bà H vay. Thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày 15/12/2020 đến ngày 15/5/2021. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Bích H quá thời hạn vay nêu trên mà bà H không thanh toán được số tiền gốc và tiền lãi thì bà H phải chịu gấp ba lần lãi suất ngân hàng nhà nước tương ứng với thời gian chậm trả…” Thực tế, ngày 09/12/2020 bà T đưa cho bà H số tiền 1.0000.000.000đồng chứ không phải là 1.300.000.000đồng.

Bản thân bà đi vay số tiền 1.000.000.000đồng này về trả nợ cho người khác vì làm ăn thất bại Ta lỗ, chồng bà không biết bà vay khoản tiền này của vợ chồng bà T. Sau khi lập vi bằng ngày 02/02/2021 bà T đến gây khó dễ thì chồng bà mới biết bà có vay mượn tiền với bà T.

Nay bà chỉ đồng ý trả cho vợ chồng ông T, bà T 1.000.000.000đồng nợ gốc nhưng trả dần và xin trả lãi theo lãi suất ngân hàng từ ngày 09/12/2020 đến nay.

Bà yêu cầu vợ chồng ông T, bà T trả lại cho bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Nguyễn Thị Bích H, số CS 063885, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2019 để về bà đi vay vốn trả được bao nhiêu thì trả trước tiền gốc.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Nguyễn Thị Bích H, số CS 063885, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2019 tuy đứng tên 01 mình bà nhưng đây là tài sản chung của vợ chồng bà là ông Đặng Ngọc V và

bà là tài sản trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông bà. Do đó, yêu cầu vợ chồng ông T, bà T trả cho vợ chồng ông bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

- Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Ngọc V trình bày:

Khoảng tháng 6 – 7/2021 thì ông mới biết bà H là vợ ông có quan hệ vay mượn tiền với vợ chồng ông T, bà T. Khi đó bà T có gọi điện nói bà H mượn bà T 1.000.000.000đồng đến nay lãi đã nhiều nhưng chưa trả. Ông đề nghị cho vợ chồng ông trả dần số tiền 1.000.000.000đồng nợ gốc cho vợ chồng ông T, bà T nhưng trả dần và xin trả lãi theo lãi suất ngân hàng từ ngày 09/12/2020 đến nay. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Nguyễn Thị Bích H, số CS 063885, do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2019 tuy đứng tên 01 mình bà nhưng đây là tài sản chung của vợ chồng ông bà là tài sản trong thời kỳ hôn nhân của vợ chồng ông bà. Do đó, yêu cầu vợ chồng ông T, bà T trả cho vợ chồng ông bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

- Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ánh T trình bày:

Bà T có đơn đề nghị không tham gia phiên họp và hòa giải.

- Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng không T.

- Tại phiên tòa hôm nay, ông T do ông C đại diện theo ủy quyền yêu cầu mình bà H có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông T, bà T 1.300.000.000đồng nợ gốc và lãi suất của 1.300.000.000đồng nợ gốc từ ngày 15/5/2021 đến nay với lãi suất 15%/năm.

Còn vợ chồng ông V, bà H yêu cầu vợ chồng ông T, bà T trả lại cho vợ chồng ông V, bà H cho vợ chồng ông Đặng Ngọc V, bà Nguyễn Thị Bích H 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Nguyễn Thị Bích H, số CS 063885, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2019 (bản chính).

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Trọng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán trong quá trình thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là đúng pháp luật. Đề nghị Căn cứ Điều 166, 309, 316, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang T. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H có nghĩa vụ trả cho ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Ánh T số tiền 1.300.000.000đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Buộc vợ chồng ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Ánh T có nghĩa vụ trả cho ông chồng ông Đặng Ngọc V, bà Nguyễn Thị Bích H 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Nguyễn Thị

Bích H, số CS 063885, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2019 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Cần xác định nguyên đơn là vợ chồng ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Ánh T. Đây là vụ án "Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản" giữa nguyên đơn vợ chồng ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Ánh T và bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đặng Ngọc V. Tại phiên tòa hôm nay, bà Nguyễn Thị Ánh T có đơn xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt Nguyễn Thị Ánh T.

Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] Xét về yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông T, bà T yêu cầu bà H trả cho trả cho vợ chồng ông T, bà T 1.300.000.000đồng nợ gốc và lãi suất của 1.300.000.000đồng nợ gốc từ ngày 15/5/2021 đến nay với lãi suất 15%/năm, thì thấy rằng:

Ông T cho rằng ngày 15/12/2020, vợ chồng ông T, bà T cho bà H vay 1.300.000.000đồng nhưng hai bên không viết giấy tờ vì bà T và bà H là bạn bè thân thiết nên đến ngày 02/02/2021 giữa ông T và bà H ra Văn phòng Thừa phát lại thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng lập Vi bằng: ''Ngày 15/12/2020 tôi là Nguyễn Thị Bích H có vay của ông Trần Quang T số tiền 1.300.000.000đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng). Ông Trần Quang T đã giao đủ số tiền 1.300.000.000đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) cho bà Nguyễn Thị Bích H. Sau khi kiểm đếm bà H đã xác nhận đủ số tiền 1.300.000.000đồng (một tỷ ba trăm triệu đồng) mà ông T đã giao cho bà H vay. Thời hạn vay là 05 tháng kể từ ngày 15/12/2020 đến ngày 15/05/2021. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Bích H quá thời hạn vay nêu trên mà bà H không thanh toán được số tiền gốc và tiền lãi thì bà H phải chịu gấp ba lần lãi suất ngân hàng nhà nước tương ứng với thời gian chậm trả…" (bút lục 68, 69, 70, 71, 72, 73, 74) Trong khi, bà H cho rằng ngày 09/12/2020 bà H vay của ông T, bà T 1.000.000.000đồng đến hạn không trả được nên ông T, bà T cộng lãi vào T 1.300.000.000đồng nhưng bà H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ để chứng minh, Trong khi, ông T, bà T không thừa nhận. Do đó, có đủ căn cứ khẳng định ngày 15/12/2020 bà H vay ông T, bà T 1.300.000.000đồng nợ gốc.

Bà H cho rằng khoản vay này mình bà vay của vợ chồng ông T, bà T, chồng bà H không biết việc vay mượn tiền này. Ông V cho rằng đến tháng 7/2021 thì ông mới biết giữa bà H vợ ông và bà T có quan hệ vay mượn và tháng 10/2021 ông có biết bà H đưa cho bà T giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Nguyễn Thị Bích H, số CS 063885, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2019.

Ông T, bà T cũng chỉ yêu cầu mình bà H trả cho vợ chồng ông T, bà T 1.300.000.000đồng nợ gốc.

Hai bên thỏa Tận thời hạn trả nợ là ngày 15/5/2021. Do đó, nay ông T, bà T yêu cầu bà H trả cho ông T, bà T 1.300.000.000đồng là có căn cứ để chấp nhận.

Về lãi suất, các bên thỏa Tận: "…Trong trường hợp bà Nguyễn Thị Bích H quá thời hạn vay nêu trên mà bà H không thanh toán được số tiền gốc và tiền lãi thì bà H phải chịu gấp ba lần lãi suất ngân hàng nhà nước tương ứng với thời gian chậm trả…". Như vậy, ông T yêu cầu bà H trả cho vợ chồng ông T, bà T lãi suất 15%/ năm là phù hợp với pháp luật. Ngày 15/5/2021 đến ngày 18/8/2022 là 15 tháng: 1.300.000.000đồng x 15 tháng x 10%/12 tháng x 150% = 243.750.000đồng lãi.

Từ những phân tích và nhận định trên, cần buộc bà H có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông T, bà T 1.300.000.000đồng nợ gốc và 243.750.000đồng lãi. Tổng cộng là 1.543.750.000đồng (một tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Nguyễn Thị Bích H, số CS 063885, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2019 bà H đưa cho bà T giữ để làm tin ngày 14/10/2021, cần buộc vợ chồng ông T, bà T trả cho vợ chồng ông V, bà H là phù hợp với pháp luật.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Ánh T nên buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 58.312.500đồng [36.000.000đồng + (1.543.750.000đồng – 800.000.000đồng) x 3%] theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 166, 309, 316, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266 và Điều 267 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Ánh T về vụ việc tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Bích H.

Buộc bà Nguyễn Thị Bích H có nghĩa vụ trả cho vợ chồng ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Ánh T 1.300.000.000đồng nợ gốc và 243.750.000đồng lãi. Tổng cộng là 1.543.750.000đồng (một tỷ năm trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Căn cứ Điều 357 của Bộ luật Dân sự. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành còn phải chịu số tiền lãi theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Buộc vợ chồng ông Trần Quang T, bà Nguyễn Thị Ánh T có nghĩa vụ trả lại cho vợ chồng ông Đặng Ngọc V, bà Nguyễn Thị Bích H 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên bà Nguyễn Thị Bích H, số CS 063885, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 14/6/2019 (bản chính).

Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Bích H có nghĩa vụ phải chịu 58.312.500đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Trần Quang T do ông Nguyễn Tự C đại diện theo ủy quyền số tiền 33.495.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, ông Trần Quang T do ông Nguyễn Tự C đại diện theo ủy quyền đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007545 ngày 23/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo để xin Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm. Riêng bà Nguyễn Thị Ánh T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để Tòa án tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKS huyện Đ;
- CC THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Vũ